

HOA NÔNG NỈ CHỒ

Bổa an :An Chính
Nổ tuoi :Mau giao
Tong số tre :314

Sang : Bun rieu thồ ca chua gia ãau hủ ngo
gai huyet.
Sổa grow
Trổa : Côm bô kho mắng tắy cá rot su su
Canh chua rau muong tom kho thồ heo nắc
Mon xao:mổp xao nam bao ngổ
Xe: sổa grow
Xe chieu: Hu túu tom mắc cá rot nam mổp
gia hẻ

Số Tiền Trên Mỗi Tre 37082				
STT	Tên thóc phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thanh tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Rạm (mười)	3,000	1,060	31,800
2	Tôm biền	1,000	34,970	349,700
3	Tôm kho	200	78,100	156,200
4	Nam bao ngô*	1,000	13,130	131,300
5	Mốc tồ	1,000	33,500	335,000
6	Nồc mắ Cá (loại 1)	3,000	6,160	184,800
7	Dậu thảo mắ	3,000	6,280	188,400
8	Nồc cắ	4,000	3,880	155,200
9	Dậu mắ	1,000	3,870	38,700
10	Gạo tẻ mắ	17,000	2,630	447,100
11	Hủ túu	16,000	1,820	291,200
12	Hạnh lắ	1,500	8,400	126,000
13	Hạnh củ tồ	1,000	6,300	63,000
14	Mổp	5,500	4,520	248,600
15	Nam rồ	500	14,180	70,900
16	Cá chừa	3,500	7,670	268,450
17	Gia ãau xanh	2,000	2,730	54,600
18	Rầu mủi tắ (ngó gắ)	100	6,510	6,510
19	Sủ sủ	2,000	4,100	82,000
20	Mắng tắ	1,000	14,910	149,100
21	Cá rot	4,000	5,670	226,800
22	Rầu muong	6,500	5,040	327,600
23	Hẻ lắ	100	6,090	6,090
24	Bun	18,000	1,710	307,800
25	Nầu hủ chắ	3,000	3,300	99,000
26	Thồ lỏn nắ	7,200	17,850	1,285,200
27	Tiệt lỏc	1,500	4,180	62,700
28	Thồ bô loại 1	8,500	37,800	3,213,000
29	Quạt chắ (cá vồ)	3,000	4,730	141,900
30	Trồg vồ	2,500	5,400	135,000
Cong				9,183,650
	*XUAT KHO			
31	Sổa bốt Abbot Grow	12,000	20,500	2,460,000
Cong				2,460,000
Tong tiền thóc phẩm				11,643,650 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nồc chi trong ngày				11618000(đ)
Số đố ãau ngày				0(đ)
Số đố cuoi ngày				-25650(đ)
Xuất ăn lủy kẻ tồ ãau thắg				
Tiêu chuan lủy kẻ tồ ãau thắg				
Tiền chi lủy kẻ tồ ãau thắg				